

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-PT
Ngày: 10/01/2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương
Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 325/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 359/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm Anh K, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Lương Hòa, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Thái Điền Đ, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: số 341/M9 đường Q, phường A, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ liên hệ: Số 270 ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre).

* **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Ngọc T là bị đơn trong vụ án.

(Các đương sự có mặt tại Tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các văn bản, tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Bà kinh doanh đại lý bán thức ăn chăn nuôi, bà có trại heo tại xã Đ. Do quen biết, bà có bán heo thịt cho ông K từ lâu, mỗi khi bán heo, hai bên không làm giấy tờ gì. Thông thường bắt heo sau vài ngày, ông K sẽ trả tiền heo đầy đủ, có khi bắt heo ông K trả tiền liền. Tuy nhiên, đến gần cuối năm 2020, ông K bắt heo không trả tiền đúng hạn nữa. Bà điện thoại đòi tiền rất nhiều lần, đến cuối năm 2020 ông K trả cho bà được 40.000.000 đồng, còn nợ lại 251.679.000 đồng cho đến nay chưa trả. Khi đó, ông K và bà T là vợ chồng, ông K mua heo về mổ thịt để bà T bán thịt heo. Do đó, bà yêu cầu ông K và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền mua heo còn nợ là 251.679.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.83% từ tháng 3/2021 cho đến khi khởi kiện là tháng 5/2022 là $15 \text{ tháng} \times 0.83\% = 31.334.000$ đồng. Từ tháng 6/2022 đến khi xét xử bà không yêu cầu tính lãi.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Anh K trình bày:*

Ông và bà T kết hôn cách đây khoảng 20 năm. Trước đây, ông có mua heo thịt của bà S về mổ heo để vợ ông là bà T bán thịt heo tại các chợ. Đến năm 2020, do heo bị dịch tả, đồng thời ông và bà T có đầu tư vốn để mở hai quán cà phê nên thiếu tiền, vì vậy nhiều lần mua heo của bà S chưa trả tiền. Ông và bà T đã ly hôn vào tháng 5/2022. Ông xác nhận hiện còn nợ bà S số tiền mua heo là 251.679.000 đồng. Khi ly hôn, ông và bà T không kê khai và chưa giải quyết số nợ này cho bà S. Khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do đó ông yêu cầu bà T cùng có trách nhiệm với ông trả nợ cho bà S, ông đồng ý trả cho bà S $\frac{1}{2}$ số tiền này, còn $\frac{1}{2}$ còn lại do bà T trả. Do đang gặp khó khăn nên ông xin bà S không tính lãi.

** Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc T là ông Thái Điền Đ trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T tại bản tự khai và biên bản hòa giải. Bà T và ông K là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào tháng 5/2022. Trong thời kỳ hôn nhân, ông K đi mua heo thịt về mổ heo để bà T phân phối thịt heo tại các chợ. Khi ly hôn tài sản chung tự thỏa thuận và không kê khai phần nợ tiền mua heo của bà S là 251.679.000 đồng. Trước đây, ông K là người trực tiếp đi mua heo của bà S, sau khi mua heo về bà T đều có đưa tiền cho ông K để trả tiền heo cho bà S, nhưng do đã quá lâu và lúc đó còn là vợ chồng nên bà T không có chứng cứ gì cụ thể cung cấp cho Tòa án. Hiện nay, bà T và ông K đã ly hôn, bà T đã chịu trách nhiệm trả nhiều khoản nợ khác. Vì vậy, bà T yêu cầu số tiền nợ của bà S là 251.679.000 đồng và tiền lãi do một mình ông K có trách nhiệm trả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 288, 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ

Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Buộc ông Phạm Anh K và bà Nguyễn Thị Ngọc T liên đới trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 283.013.000đ (hai trăm tám mươi ba triệu không trăm mười ba nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngày 06/9/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc T là ông Thái Điền Đ trình bày:

Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà T phải liên đới trả tiền nợ cho nguyên đơn vì khoản nợ này chỉ do ông K thừa nhận; tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn thì cũng không kê khai khoản nợ này; trước đây, ông K là người trực tiếp đi mua heo của bà S, sau khi mua heo về bà T đều có đưa tiền cho ông K để trả tiền heo cho bà S nhưng do là vợ chồng nên không có giấy tờ gì để chứng minh.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà với ông K là chỗ làm ăn lâu năm, mặc dù ông K là người trực tiếp giao dịch mua bán heo với bà nhưng bà biết ông K, bà T làm ăn chung, bà T là người đưa tiền ông K để trả tiền mua heo.

Bị đơn ông Phạm Anh K trình bày:

Ông thống nhất có nợ bà S số tiền mua heo là 251.679.000 đồng. Khi ly hôn, ông và bà T không kê khai và chưa giải quyết số nợ này cho bà S nên ông yêu cầu bà T cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà S.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo không đồng ý liên đới cùng với ông K trả nợ cho bà Nguyễn Thị S số tiền 283.013.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cũng thừa nhận ông K là người đi mua heo thịt về mổ heo để bà phân phối thịt heo tại các chợ và khi bà và ông K ly hôn thì không kê khai khoản nợ này của bà S. Bà T cho rằng sau khi mua heo về bà đã đưa tiền cho ông K để trả tiền heo cho bà S nhưng lời trình bày này của bà T không được ông K thừa nhận và bà T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

[2] Khoản tiền nợ mà bà S khởi kiện là hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông K và bà T; việc làm ăn kinh doanh của ông K và bà T là phục vụ cho nhu cầu kinh tế chung của ông, bà trong thời kỳ hôn nhân. Do ông K và bà T không thỏa thuận phần nợ phải trả của mỗi người nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T có trách nhiệm liên đới cùng với ông K trả nợ cho bà S là đúng quy định pháp luật.

[3] Bà T kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện G.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Căn cứ vào các Điều 288, 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Buộc ông Phạm Anh K và bà Nguyễn Thị Ngọc T liên đới trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 283.013.000đ (hai trăm tám mươi ba triệu không trăm mười ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc ông Phạm Anh K và bà Nguyễn Thị Ngọc T liên đới trách nhiệm nộp số tiền án phí là 14.150.650đ (Mười bốn triệu một trăm năm mươi nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

+ Chi cục Thi hành án dân sự huyện G hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.075.000đ (Bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008246 ngày 06/7/2022.

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009122 ngày 06/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện G (1b);
- Chi cục THADS huyện G (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt